

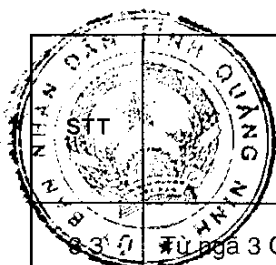
7. HUYỆN ĐÔNG TRIỀU



PHẠNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
I	THỊ TRẤN MẠO KHÊ - ĐÔ THỊ LOẠI IV		
1	Các hộ bám trục đường 18A (đường phố loại 1)		
1.1	Từ cầu Trạ đến đường vào Công ty cổ phần Cơ khí thuỷ 204		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	6.000.000	3.600.000
1.2	Từ đường vào Công ty CP Cơ khí Thuỷ 204 đến ngã 4 khu phố 2		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	7.500.000	4.500.000
1.3	Từ ngã 4 khu phố 2 đến cổng UBND thị trấn Mạo Khê		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	8.500.000	5.100.000
1.4	Từ cổng UBND thị trấn Mạo Khê đến đồn Công an thị trấn Mạo Khê		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	10.000.000	6.000.000
1.5	Từ đồn Công an thị trấn Mạo Khê đến hết Xí nghiệp nước TT Mạo Khê		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	8.500.000	5.100.000
1.6	Từ Xí nghiệp nước thị trấn Mạo Khê đến giáp đất xã Yên Thọ		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	6.000.000	3.600.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
2	Các trục đường đầu nối từ đường 18A ra (đường phố loại 1)		
2.1	Từ đường 18A đến cầu Đá Vách (đường 188)		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	6.600.000	3.960.000
2.2	Từ ngã 4 khu Hoàng Hoa Thám đến cổng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Triều		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	7.000.000	4.200.000
2.3	Từ ngã 4 khu Hoàng Hoa Thám xuống đến Xí nghiệp nước (X.M H.thạch)		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	4.500.000	2.700.000
2.4	Từ XN nước Xi măng Hoàng Thạch đến cổng Công ty xi măng H.Thạch		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.500.000	2.100.000
2.5	Từ đường 18A qua sân vận động (mới) đến Ga Mạo Khê		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	5.000.000	3.000.000
2.6	Đường 18A (ngã 3 khu Hợp tác xã Vĩnh Thắng cũ qua khu Đô thị 188 qua nhà ông Thực đến nhà ông Khoa bà Sinh		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	4.500.000	2.700.000
3	Các hộ bám đường bê tông chính trên địa bàn thị trấn (đường phố loại 2)		
3.1	Từ ngã 4 khu phố 2 đến hết trường THPT Mạo Khê 1		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	4.000.000	2.400.000
3.2	Từ trường THPT Mạo Khê 1 đến ngã 3 Cổng trắng		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.500.000	1.500.000



TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ		GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
3.3	Từ ngã 3 Cổng Trắng đến cổng trào Mỏ		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.000.000	1.200.000
3.4	Từ Cổng trào Mỏ đến Hội trường khu Đoàn Kết		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.600.000	960.000
3.5	Từ Hội trường khu Đoàn Kết đến nhà phân xưởng cơ khí M.Khê (Nhà sàng 56)		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	950.000	570.000
3.6	Từ nhà Phân xưởng cơ khí Mạo Khê đến đường rẽ vào chùa Non Đông		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	550.000	330.000
3.7	Từ cổng trào Mỏ đến đường vào trường Nguyễn Đức Cảnh		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.000.000	1.800.000
3.8	Từ đường vào trường Nguyễn Đức Cảnh đến cổng trào khu Vĩnh Lập		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.800.000	1.080.000
3.9	Từ ngã ba khu Vĩnh Lập Trường Nguyễn Đức Cảnh qua chợ Công Nông đến cầu khu Vĩnh Trung		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	4.500.000	2.700.000
3.10	Từ ngã 3 đường vào chợ Công Nông đến cầu khu Quang Trung		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.500.000	2.100.000
	Từ cầu khu Quang Trung đến ngã 4 khu Quang Trung (nhà ông Chuỷ)		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.000.000	1.800.000
3.12	Từ nhà ăn số 1 của Công ty than Mạo Khê tới ngã 3 giáp ranh giữa các khu: Quang Trung, Vĩnh Trung		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.700.000	1.620.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
3.13	Từ ngã 4 Quang Trung (nhà ông Chuỷ) đến Ga Mạo Khê		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.000.000	1.200.000
3.14	Từ ngã 4 Quang Trung đến đường sắt khu Quang Trung		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.100.000	1.260.000
3.15	Từ đường sắt khu Quang Trung đến cầu mới qua suối Vĩnh Lập		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
3.16	Từ ngã 4 khu Quang Trung (nhà ông Tạo) đến ngã 3 giáp ranh khu Vĩnh Sơn và Vĩnh Xuân		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.100.000	1.260.000
3.17	Từ ngã 3 giáp ranh giữa khu Vĩnh Sơn và Vĩnh Xuân đến đường tàu Quốc Gia (nhà ông Tạo khu Vĩnh Xuân)		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.800.000	1.080.000
3.18	Từ ngã 3 giáp ranh khu Vĩnh Sơn và Vĩnh Xuân đến khu âm 80 Mỏ Mạo Khê		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.800.000	1.080.000
3.19	Từ âm 80 lên đến đường rẽ vào Chùa Non Đông		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	800.000	480.000
3.20	Từ đường sắt Quốc gia nhà ông Tạo (khu Vĩnh Xuân) đến ngã 3 nhà ông Mạch, ông Kinh nhà bà Thảo.		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.200.000	1.320.000
3.21	Từ đường nhà ông Mạch đường lên ga Ga Mạo Khê nhà ông Thanh		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.150.000	1.890.000
3.22	Từ ngã 3 nhà ông Kinh đến cổng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Triều		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.800.000	2.280.000
3.23	Từ đường Nam Ga - ngã 3 khu Vĩnh Xuân qua khu Vĩnh Trung đến trường Tiểu học Mạo Khê B		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.500.000	1.500.000



TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ

GIÁ ĐẤT Ở
(Đ/M²)

GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHI NÔNG NGHIỆP
(Đ/M²)

3.24	Từ cổng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Triều (khu Vĩnh Xuân) đến trường Tiểu học Vĩnh Khê		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.500.000	2.100.000
3.25	Các hộ bám đường nội bộ đường trong khu dân cư mới quy hoạch khu Vĩnh Thông (phía sau siêu thị Hapro)		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.500.000	2.100.000
3.26	Từ trường tiểu học Vĩnh Khê đến ngã 3 đường bê tông Mỏ giáp ranh 2 khu Vĩnh Sinh và Phố II		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.000.000	1.800.000
3.27	Từ đường 18A khu Phố I qua khu Vĩnh Thông đến cầu Vĩnh Trung		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.100.000	1.860.000
3.28	Từ đường 18 A khu Vĩnh Thông đến ngã 3 trường Tiểu học Vĩnh Khê		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.100.000	1.860.000
3.29	Từ đường 18 A khu phố I Qua cổng nhà thờ tới nhà ông Ty		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.500.000	1.500.000
3.30	Từ nhà ông Ty xuống đến ngã 3 nhà ông Diễm		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.800.000	1.080.000
3.31	Từ đường 18A đến hết sân bóng cũ khu Vĩnh Tuy 2		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.000.000	1.800.000
3.32	Các tuyến đường nhánh quy hoạch trong khu đô thị 188 - đối với những tuyến đường đã đầu tư xong cơ sở hạ tầng		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.000.000	1.800.000
3.33	Từ sân bóng cũ khu Vĩnh tuy 2 đến nhà ông Phái		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.500.000	1.500.000
3.34	Từ Công ty TNHH 289 đến cổng phía Đông chợ sáng Mạo Khê		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	4.000.000	2.400.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
3.35	Từ đường 18A phía Đông và Tây Công ty Bình Minh		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.500.000	2.100.000
3.36	Từ đường 18A đến ngã 3 đường vào trạm xá xây lắp 4 cũ		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.500.000	900.000
3.37	Từ Công ty Bình Minh đến giáp đường vào xây lắp 4 cũ		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
3.38	Từ ngã 3 đường vào trạm xá xây lắp 4 cũ khu Vĩnh Tuy 1 đến giáp đường tàu Quốc gia		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.250.000	750.000
3.39	Từ phía Bắc đường tàu Quốc gia lên đến Hội trường khu Vĩnh Sơn.		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.150.000	690.000
3.40	Từ ngã 3 hội trường khu Vĩnh Sơn đến ngã 3 đường khu âm 80		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
3.41	Từ ngã 3 Công ty cổ phần cơ khí Mạo Khê đến ngã 3 dốc 2000 khu V. Sơn.		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
3.42	Tuyến đường bê tông khu Vĩnh Tuy 2 (phía Nam Nhà văn hoá khu Vĩnh Tuy 2) đến đường quy hoạch khu đô thị 188		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
3.43	Từ đường 18A qua xóm Đồng Đồng (Vĩnh Tuy 1) đến đường Bê Tông Hoàng Thạch khu Vĩnh Tuy 2		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
3.44	Từ ngã tư phố 2 đến Nhà văn hóa khu phố 2		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.000.000	1.800.000
3.45	Từ Nhà văn hóa khu phố 2 xuống đến cảng Bến Càn.		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.500.000	900.000



TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ

GIÁ ĐẤT Ở
(Đ/M²)

GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHI NÔNG NGHIỆP
(Đ/M²)

3.46 Từ 18A vào 2 ngõ: Ngõ 30 và ngõ 18 của khu phố 2 (khu Bách hoá cũ)

- Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ

2.800.000

1.680.000

3.47 Từ đường 18A (nhà ông Thiệu) vào đến nhà ông Xuân khu Vĩnh Hoà (Chùa MK cũ)

- Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ

2.200.000

1.320.000

3.48 Từ đường 18A phía Đông trường Tiểu học Quyết Thắng đến hết Nhà văn hoá khu Vĩnh Hoà

- Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ

3.000.000

1.800.000

3.49 Từ đường 18A xuống hết nhà ông Hữu (giáp Công ty cổ phần cơ khí thuỷ 204)

- Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ

2.300.000

1.380.000

3.50 Từ nhà ông Đông đến hết (giáp Công ty cổ phần cơ khí thuỷ 204)

- Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ

1.000.000

600.000

3.51 Từ đường 18A khu Vĩnh Hoà đến ngã ba đường vào Chùa Tế

- Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ

1.500.000

900.000

3.52 Tuyến từ đường bê tông Mỏ qua Nhà văn hoá khu Vĩnh Sinh, qua khuôn viên chùa Tế đến ngã ba gần nhà ông Thân Trí Dũng và nhà bà Vũ Hồng Nhánh

- Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ

1.400.000

840.000

3.53 Từ đường 18A tới cống thoát nước qua đường giáp ranh với khu V.Quang 2

- Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ

1.500.000

900.000

3.54 Từ cống giáp ranh Vĩnh Quang 1 và V.Quang 2 đến ngã 3 khu V. Quang 2 về Đông giáp nhà ông Duyên đến đường sắt, về Tây đến nhà ông Sinh

- Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ

1.000.000

600.000

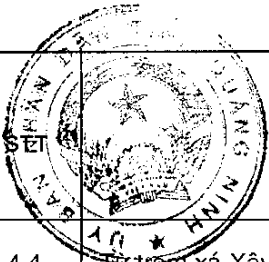
3.55 Từ ngã 3 Cống trắng đến trường Tiểu học Mạo Khê A

- Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ

1.400.000

840.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
3.56	Từ trường Tiểu học Mạo Khê A đến suối Cạn giáp ranh xã Bình Khê		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
3.57	Từ ngã 3 sân Tennis đến ngã 3 hội trường khu Vĩnh Lâm		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
3.58	Từ đường bê tông Mỏ qua xưởng cửa cũ đến ngã 3 đường vào Núi Xẻ		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.050.000	630.000
3.59	Từ đường bê tông Mỏ vào hết khu Văn phòng mỏ (khu Dân Chủ)		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
3.60	Từ đường 18A qua nhà nghỉ Long Ngân đến ngã ba nhà ông Ngô Tuấn Ngọc		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.500.000	900.000
3.61	Từ ngã 3 nhà ông Sinh khu Vĩnh Quang 2 qua đường sắt đến hết Công ty Sản xuất Vật liệu xây dựng Kim Sơn và từ nhà ông Duyên giáp đường sắt đến cổng Công ty gạch Vĩnh Tiến		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	900.000	540.000
4	Các trục đường chính, đường nhánh trong các khu còn lại (đường phố loại 3)		
4.1	Các hộ từ đường 18A đến Nhà văn hoá khu V.Hồng, và từ đường 18A đến Cảng của CTy XD HT miền Tây và từ hộ nhà ông Kiên đến hết đường xuống lò vôi cũ khu V.Hồng		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.500.000	900.000
4.2	Các hộ từ đường 18A đến hết khuôn viên của XN Gốm Cổ phần Quang và Gốm Quang Vinh thuộc khu Vĩnh Hồng và V.Quang1		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.500.000	900.000
4.3	Các hộ bám trục đường từ đường 18A vào Hội trường khu Vĩnh Thông - đường vào trụ sở UBND thị trấn MK		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.800.000	1.680.000



	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
4.4	Từ trạm xá Xây Lấp 4 đến gã 3 nhà ông Hoà khu Vĩnh Xuân đến đường bê tông khu Vĩnh Tuy 1		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	950.000	570.000
4.5	Từ giếng Vĩnh khu Vĩnh Thông đến giáp đô thị 188		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.800.000	1.680.000
4.6	Đường bê tông phía Bắc đường tàu Quốc gia từ nhà ông Trung đến đường bê tông ngã 3 nhà ông Hiện khu Quang Trung		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.500.000	900.000
4.7	Các hộ bám mặt tiền hai bên đường từ cổng trào Vĩnh Phú đến hết Nhà văn hoá khu Vĩnh Phú		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.400.000	840.000
4.8	Các hộ bám mặt tiền hai bên đường từ Nhà văn hoá khu Vĩnh Phú đến hết đường vào lò gạch mở khu Vĩnh Phú		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.300.000	780.000
4.9	Từ đường ngã 3 khu Vĩnh Xuân nhà ông Bang đến ngã 3 nhà ông Nấm (đường nam ga)		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	3.000.000	1.800.000
4.10	Từ đường bê tông Hoàng Thạch đến đường BT khu Vĩnh Tuy 2 (tuyến nhà ông Ngẫu)		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
4.11	Từ đường bê tông Hoàng Thạch đến đường BT khu Vĩnh Tuy 2 (tuyến nhà ông Năng đến nhà bà Yến)		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.500.000	900.000
4.12	Từ đường bê tông Hoàng Thạch đến đường BT khu Vĩnh Tuy 2 (tuyến nhà ông Chương đến nhà ông Xuân)		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
4.13	Từ đường bê tông Hoàng Thạch đến đường BT khu Vĩnh Tuy 2 (tuyến nhà ông Nhậm đến nhà ông Khoa)		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.100.000	660.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
4.14	Hộ bám đường vào kho gạo B (Khu Vĩnh Xuân - Khu Hoàng Hoa Thám)		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.400.000	1.440.000
4.15	Các hộ bám đường nhánh trong khu phạm vi cách đường 18A 100m		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.400.000	840.000
4.16	Các hộ bám đường bê tông trong khu: Vĩnh Xuân; Hoàng Hoa Thám; Vĩnh Tuy 2; dân cư khu 201; Phố 1; Vĩnh Hồng; Vĩnh Quang 1; Vĩnh Tuy 1; Vĩnh Thông; Vĩnh Hải; Phố 2; Vĩnh Hoà		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.100.000	660.000
4.17	Tuyến từ đường bê tông mở qua trường mầm non Sơn Ca đến ngã 3 đường vào Hội trường khu Vĩnh Lâm.		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
4.18	Các hộ bám đường bê tông trong khu: Vĩnh Sinh; Vĩnh Phú; Dân Chủ; Vĩnh Tân; Vĩnh Lâm; Công Nông; Vĩnh Trung; Quang Trung; Vĩnh Lập; Vĩnh Sơn; Hoà Bình; Đoàn Kết; Vĩnh Quang 2;		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	900.000	540.000
4.19	Các hộ bám trực đường nhánh trong khu: Vĩnh Xuân; Hoàng Hoa Thám; Vĩnh Tuy 2; dân cư khu 201; Phố 1; Vĩnh Hồng; Vĩnh Quang 1; Vĩnh Tuy 1; Vĩnh Thông; Vĩnh Hải; Phố 2; Vĩnh Hoà		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	850.000	510.000
4.20	Các hộ bám đường nhánh trong khu: Vĩnh Sinh; Vĩnh Phú; Dân Chủ; Vĩnh Tân; Vĩnh Lâm; Công Nông; Vĩnh Trung; Quang Trung; Vĩnh Lập; Vĩnh Sơn; Hoà Bình; Đoàn Kết; Vĩnh Quang 2;		
-	Đất giáp trực đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	800.000	480.000
4.21	Từ bê tông mở qua nhà Thờ khu Dân Chủ đến ngã ba nhà bà Nguyễn Thị Bé và qua ngã ba nhà thờ đến nhà bà Đỗ Thị Liêm		
-	Đất ở của các hộ còn lại	1.000.000	600.000
4.22	Từ đường 18A đến Phòng khám đa khoa Mạo Khê và các tuyến đường nhánh trong khu mới quy hoạch trong khu Hoàng Hoa Thám: (Gần Phòng khám Đa khoa Mạo Khê)		

**TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ****GIÁ ĐẤT Ở
(Đ/M²)****GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHI NÔNG NGHIỆP
(Đ/M²)**

- Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất

3.000.000

1.800.000

5 Các hộ còn lại trong các khu:

5.1 Vinh Xuân; Hoàng Hoa Thám; Vinh Tuy 2; dân cư khu 201; Phố 1; Vinh Hồng; Vinh Quang 1; Vinh Tuy 1; Vinh Thông; Vinh Hải; Phố 2; Vinh Hoà

- Đất ở của các hộ còn lại

700.000

420.000

5.2 Vinh Sinh; Vinh Phú; Dân Chủ; Vinh Tân; Vinh Lâm; Công Nông; Vinh Trung; Quang Trung; Vinh Lập; Vinh Sơn; Hoà Bình; Đoàn Kết; Vinh Quang 2;

- Đất ở của các hộ còn lại

600.000

360.000

5.3 Những hộ bám đồi núi trong các khu: Vinh Tân; Vinh Phú; Vinh Lâm; Đoàn Kết; Hoà Bình; Vinh Sơn; Vinh Tuy 1; Công Nông; Dân Chủ; Vinh Lập; Vinh Quang 2

- Đất ở của các hộ còn lại

250.000

150.000

II THỊ TRẤN ĐÔNG TRIỀU - ĐÔ THỊ LOẠI V

1 Các hộ bám trục đường quốc lộ 18A

1.1 Từ nhà bà Mơ đến hết nhà ông Trịnh Lợi - khu 3 thị trấn Đông Triều

- Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất

5.000.000

3.000.000

1.2 Từ nhà ông Nguyễn Huy đến Văn phòng khu phố 4 (phía Bắc đường) và từ Thư viện huyện đến hết Trung Tâm Chính trị huyện (phía Nam đường).

- Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất

7.200.000

4.320.000

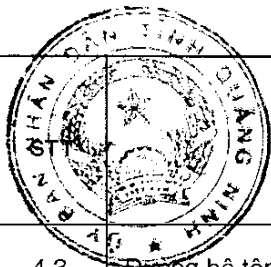
1.3 Từ nhà ông Trần Oanh đến nhà ông Nguyễn An Biên (phía Bắc đường) và từ nhà ông Nguyễn Hữu Thủy đến nhà ông Nguyễn Đình Hà.

- Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất

5.000.000

3.000.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHẦN NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
2	Các hộ bám trục đường phố Trần Nhân Tông đường đi Đức Chính và đường 332		
2.1	Đường bê tông từ ngã tư Đông Triều đến hết cổng Trường Phổ thông cơ sở thị trấn Đông Triều và cổng làng thôn Yên Lâm xã Đức Chính		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	4.200.000	2.520.000
2.2	Từ ngã tư Đông Triều đi Bến Triều đến hết địa phận thị trấn Đông Triều (giáp xã Hồng Phong) thuộc trục đường nhựa 332		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.300.000	1.980.000
3	Các hộ bám trục đường bê tông - Phố Chợ Cột:		
3.1	Từ nhà bà Vũ Thị Hoà khu 2, nhà ông Nguyễn Văn Thanh khu 4 đến nhà ông Bùi Đức Dân khu 2 và nhà ông Bùi Vũ Trung khu 1		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	5.000.000	3.000.000
3.2	Từ nhà chị Nguyễn Thị Quế khu 2, anh Đặng Văn Cường khu 1 đến hết nhà ông Trần Minh Tường khu 2 và nhà anh Phạm Văn Lương khu 1		
-	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	4.000.000	2.400.000
4	Các hộ bám theo trục đường liên khu phố 1 và 2 (đường mới) và khu dân cư mới khu phố 1 và 2		
4.1	Đường bê tông mới từ phía sau UBND thị trấn Đông Triều và nhà bà Ánh đến phía sau nhà chị Khánh Ly khu 2 và nhà anh Hưng khu 1		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	4.000.000	2.400.000
4.2	Đường bê tông mới từ sau nhà anh Nguyễn Văn Tùng khu 1 đến hết đất quy hoạch khu phố 1		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	4.000.000	2.400.000



TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ		GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
4.3	Đường bê tông mới từ nhà ông Đoàn Đức Tấn khu phố 1 đến nhà ông Đoàn Viết Cường ra đường 186		
-	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ	2.000.000	1.200.000
4.4	Đường chính khu dân cư mới khu 2 từ nhà ông Lại Văn Toạn đến phía sau Trạm xá thị trấn Đông Triều		
-	Đất ở của các hộ còn lại	2.400.000	1.440.000
4.5	Đường chính khu dân cư mới khu 2 từ đường ngõ vào cổng Công ty Tuần Phát và từ phía Đông sân chơi mi ni đến ngõ nhà bà Văn		
-	Đất ở của các hộ còn lại	2.000.000	1.200.000
4.6	Các hộ bám trục đường quy hoạch phía Tây khu dân cư Con Quạ khu 1 từ sau nhà anh Trung đến Ao cá		
-	Đất ở của các hộ còn lại	3.000.000	1.800.000
4.7	Các hộ phía trong khu dân cư Con Quạ khu 1 bám theo trục đường quy hoạch		
-	Đất ở của các hộ còn lại	2.000.000	1.200.000
5	Khu dân cư nằm phía sau các hộ bám đường 18A		
5.1	Từ đường quốc lộ 18A đến cổng Phòng giáo dục		
-	Đất ở của các hộ còn lại	1.200.000	720.000
5.2	Từ đường 18A phía sau nhà ông Đặng Hùng và ông Bùi Dũng khu 4 đến nhà bà Dư, ông Chi		
-	Đất ở của các hộ còn lại	800.000	480.000
5.3	Các hộ bám trục đường từ bến xe ô tô và nhà bà Nhã đến nhà bà Liễu và bà Năm		
-	Đất ở của các hộ còn lại	1.000.000	600.000
5.4	Các hộ bám trục đường nối tiếp từ nhà bà Liễu, bà Năm đến nhà ông Toàn và ông Thiệm		
-	Đất ở của các hộ còn lại	500.000	300.000
5.5	Các hộ bám trục đường từ đường 18A gần phòng Kinh tế - Hạ tầng và trường Mầm non Hoa Mai đến nhà bà Nhâm		
-	Đất ở của các hộ còn lại	800.000	480.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
5.6	Khu dân cư bám đường từ nhà bà Nhâm đến giáp nhà trẻ khu Liên cơ cũ		
-	Đất ở của các hộ còn lại	400.000	240.000
5.7	Các hộ phía sau cửa hàng xăng dầu đến hết Nhà văn hoá khu 4		
-	Đất ở của các hộ còn lại	800.000	480.000
5.8	Khu dân cư nằm phía sau các hộ bám trục đường 18A từ nhà bà Đặng Thị Mơ đến ngã tư Đông Triều		
-	Đất ở của các hộ còn lại	500.000	300.000
5.9	Khu dân cư nằm phía sau các hộ bám trục đường 18A nằm dưới chân đồi cao đối với các khu vực còn lại từ ngã tư Đông Triều đến hết Cổ eo khu 4		
-	Đất ở của các hộ còn lại	400.000	240.000
6	Khu dân cư nằm phía sau các hộ bám trục đường phố Trần Nhân Tông từ ngã tư Đông Triều hết cổng trường Trung học cơ sở thị trấn Đông Triều		
6.1	Bám đường ngõ xóm đường chính		
-	Đất ở của các hộ còn lại	500.000	300.000
6.2	Các hộ không bám đường ngõ xóm chính (đường ngách, hẻm)		
-	Đất ở của các hộ còn lại	300.000	180.000
7	Khu dân cư từ chân đồi cao trở lên		
7.1	Khu dân cư nằm trong nhà trẻ Liên cơ cũ khu 2 và khu chợ cũ khu 4		
-	Đất ở của các hộ còn lại	250.000	150.000
7.2	Khu dân cư bám các đường ngõ xóm đối với phần đất từ chân đồi cao trở lên (đối với các khu vực còn lại thuộc khu 2 và khu 4)		
-	Đất ở của các hộ còn lại	250.000	150.000



I- BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT KINH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

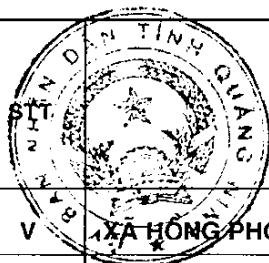
TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ		GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
I	XÃ BÌNH DƯƠNG (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Đất bám hai bên đường quốc lộ 18A từ Cầu Vàng Chua (điểm tiếp giáp đất Chí Linh - Hải Dương) đến điểm tiếp giáp với xã Thủy An		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.800.000	1.575.000
2	Hộ bám theo trục đường Bắc Mã đi Đền Sinh: Từ giáp nương cấp 2 đến hết địa phận xã Bình Dương		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	850.000	510.000
3	Hộ bám theo trục đường liên thôn:		
3.1	Từ đường 18A (nhà ông Phạm Văn Quý - Thôn Bắc Mã) đến điểm nối đường liên xã Bình Dương đi An Sinh.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
3.2	Từ đường 18A đến hết nhà bà Nguyễn Thị Mận thôn Bình Sơn Đông		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
3.3	Từ đường 18A đến hết nhà ông Vũ Chí Hoạ thôn Bình Sơn Tây		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
3.4	Từ đường 18A đến hết nhà ông Vũ Chí Tươi thôn Bình Sơn Tây		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
3.5	Từ đường 18A đến hết địa phận xã Bình Dương (tuyến Đông Thành đi Đạo Dương) - thôn Đông Thành - Đạo Dương		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
3.6	Từ đường 18A chạy qua sân bóng (thôn Đông Lâm) đến hết địa phận xã Bình Dương		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
4	Các khu vực còn lại	200.000	120.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
II	XÃ NGUYỄN HUỆ (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Hệ bám theo trục đường bê tông		
1.1	Từ cầu Bình Sơn (giáp đất xã Thuỷ An) đến bờ đê bến dò		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	800.000	480.000
1.2	Từ ngã ba đường bê tông đến quán bà Vũ Thị Sơ.		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	350.000	210.000
1.3	Từ giáp quán bà Vũ Thị Sơ đến ngõ cổng nhà ông Quát.		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	300.000	180.000
1.4	Từ ngã ba quán nhà ông Mong đi đến cổng nhà ông Phiu.		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	500.000	300.000
1.5	Khu vực Kênh Giang thôn 1		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	300.000	180.000
2	Hệ bám theo trục đường liên xóm (thôn 3 và thôn 9)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
3	Các hệ bám theo trục đường liên xóm của các thôn: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8		
-	Các khu vực còn lại	240.000	150.000
4	Các khu vực còn lại	200.000	120.000



	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
III	XÃ THUỶ AN (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Đất ở các hộ bám theo trục đường 18A;		
1.1	Từ điểm tiếp giáp xã Việt Dân đến đường đi vào Trường PTTH - Lê Chân.		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.000.000	1.575.000
1.2	Từ giáp đường vào Trường PTTH Lê Chân, đến giáp đất xã Bình Dương (hết đất Công ty TNHH Chè An Thái)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.700.000	1.575.000
2	Đất ở các hộ bám theo trục đường bê tông đi xã Nguyễn Huệ: Từ đường 18A đến giáp xã Nguyễn Huệ		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
3	Đất bám theo trục đường bê tông liên thôn		
3.1	Từ đường 18A đến cổng quay đường rẽ thôn Vĩ Thuỷ và thôn An Biên		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	700.000	420.000
3.2	Thôn Vĩ Thuỷ: Từ giáp cổng quay đường rẽ vào thôn đến hết Nhà văn hoá thôn.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
3.3	Từ giáp Nhà văn hoá thôn đến hết đất Chùa Tráng (giáp đất xã Nguyễn Huệ).		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	240.000	150.000
3.4	Từ giáp cổng quay đường rẽ vào thôn đến nhà ông Dương Văn Đã.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
3.5	Từ giáp nhà ông Dương Văn Đã đến đường rẽ vào nhà ông Bùi Văn Tuấn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	250.000	150.000
4	Thôn Đạm Thuỷ từ nhà ông Nguyễn Minh Chuyển đến hết nhà ông (Kiều Văn Lược) và bà (Dương Thị Hay).		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	600.000	360.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
5	Thôn Đạm Thủy: Từ nhà ông Triệu giáp đường bê tông đi xã Nguyễn Huệ đến nhà ông Tạo		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	250.000	150.000
6	Thôn Đạm Thủy: Bám đường phân lô khu dân cư tự xây Chợ Đạm Thủy.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
7	Đất còn lại nằm trong khu vực dân cư ở các thôn	200.000	120.000
IV	XÃ VIỆT DÂN (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Đất bám đường quốc lộ 18A: Từ cầu Đạm đến ngã ba vào xã Việt Dân		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.600.000	1.560.000
2	Các hộ nằm phía sau các hộ bám trục đường 18A (lô 2)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	800.000	480.000
3	Đất bám theo trục đường liên thôn:		
3.1	Từ trạm bơm Việt Dân đến UBND xã Việt Dân		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
3.2	Từ giáp UBND xã Việt Dân đến hết đường đi thôn Phúc Thị		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
3.3	Từ giáp UBND xã Việt Dân đến hết đường đi thôn Cửa Phúc		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
3.4	Từ giáp UBND xã Việt Dân đến hết đường đi thôn Khê Thượng		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
4	Khu vực còn lại nằm trong các thôn.	200.000	120.000



TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ

GIÁ ĐẤT Ở
(Đ/M²)

GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHI NÔNG NGHIỆP
(Đ/M²)

V XÃ HỒNG PHONG (XÃ ĐỒNG BẰNG)

1 Hộ bám trục đường 18A

1.1 Từ giáp các hộ dân cư khu 4 thị trấn Đông Triều đến ngã 3 đường tránh thị trấn Đông Triều (giáp hộ bà Thuyết)

- Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất

5.000.000

3.000.000

1.2 Từ ngã 3 đường tránh thị trấn Đông Triều (giáp hộ bà Thuyết) đến cây xăng Công ty quản lý, khai thác các công trình thủy lợi

- Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất

3.700.000

2.220.000

1.3 Từ cây xăng của Công ty khai thác - công trình Thủy Lợi đến Cầu Đạm

- Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất

3.000.000

1.800.000

2 Hộ bám theo trục đường 332

Từ Trạm biến thế điện đến giáp đất thị trấn Đông Triều (các hộ bám hai bên mặt đường 332)

- Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất

1.800.000

1.080.000

2.2 Từ bến phà Triều đến giáp trạm biến thế điện huyện

- Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất

1.000.000

600.000

3 Đất bám theo trục đường liên thôn: Từ đường 18A đi thôn Bình Lục Thượng, Bình Lục Hạ đến thôn Triều Khê về Đoàn Xá 1 ra đường 332

- Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ

400.000

240.000

4 Khu vực còn lại trong khu dân cư

300.000

180.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
VI	XÃ TÂN VIỆT (XÃ MIỀN NÚI)		
	Hộ bám trục đường Đức Chính đi Đền Sinh:		
1.1	Từ trụ sở của Công ty TNHH Nhi Thành Đạt đến hết nhà ông Lê Quang Vịnh		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.700.000	1.020.000
1.2	Từ cổng Đền Sinh đến Kè Trần		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	700.000	420.000
2	Hộ bám trục đường liên thôn		
2.1	Từ giáp nhà ông Lê Quang Vịnh đi qua thôn Tân Lập đến hết thôn Phúc Đa (nhà ông Khanh)		
2.1.1	Từ sau nhà ông Lê Quang Vịnh đến hết nhà ông Trần Văn Giáp (thôn Tân Thành)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
2.1.2	Từ sau nhà ông Trần Văn Giáp đi qua thôn Tân Lập đến hết nhà bà Nguyễn Thị Thơm		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	450.000	270.000
2.1.3	Từ giáp nhà bà Nguyễn Thị Thơm đến hết trạm Y tế xã và từ nhà ông Nam ra cổng làng thôn Tân Lập		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
2.1.4	Từ nhà ông Trần Văn Cẩn đến hết nhà ông Đình Văn Sứng (thôn Phúc Đa)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
2.1.5	Từ nhà ông Đình Văn Sứng đến hết nhà ông Khanh (thôn Phúc Đa)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
2.2	Từ nhà ông Hương thôn Tân Lập đến nhà Bia thôn Hồ Lao		
2.2.1	Từ nhà ông Hương thôn Tân Lập đến hết nhà bà Ngoan thôn Hồ Lao (ngã tư đầu cầu Hồ Lao)		
-	Các khu vực còn lại	350.000	210.000



TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ

**GIÁ ĐẤT Ở
(Đ/M²)**

**GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHI NÔNG NGHIỆP
(Đ/M²)**

22/2/2014 Từ nhà ông Dụng đến nhà Bia

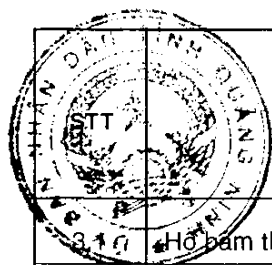
-	Các khu vực còn lại	350.000	210.000
3	Từ nhà ông Lộc đi qua ngã tư thôn đến hết nhà ông Khiêm và từ nhà ông Viễn đi đến hết nhà ông Thưởng		
-	Các khu vực còn lại	350.000	210.000
4	Hộ bám trục đường bê tông xóm cửa các thôn		
-	Các khu vực còn lại	300.000	180.000
5	Các khu vực còn lại	200.000	120.000
VII	XÃ AN SINH (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Hộ bám theo trục đường từ đường 18A qua Bắc Mã đi Đến Sinh		
1.1	Từ giáp đất Bình Dương (thôn Chi Lăng) đến cổng UBND xã.		
1.1.1	Từ giáp đất Bình Dương (thôn Chi Lăng) đến hết nhà ông Kê và ông Hồng (ngã 4 chợ Đìa Mới)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.000.000	600.000
1.1.2	Từ nhà ông Diên và ông Tiến (ngã 4 chợ Đìa Mới) đến cổng UBND xã An Sinh		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	800.000	480.000
1.2	Từ hộ giáp cổng UBND xã đến giáp đường rẽ vào hồ Khe Chè.		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	550.000	330.000
1.3	Từ đường rẽ vào hồ Khe Chè đến đầm tràn thôn Ba Xã		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	450.000	270.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
1.4	Từ Đầm trền thôn Ba Xã đến Kè trền - giáp đất xã Tân Việt		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	400.000	240.000
1.5	Các hộ dân cư nằm tiếp giáp phía sau các hộ dân có nhà bám theo trục đường (có điều kiện thuận lợi)		
-	Các khu vực còn lại	250.000	150.000
2	Hộ bám theo đường bê tông đi trại lốc		
2.1	Từ cổng Đền Sinh đến cổng qua đường đi Trại Lốc		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	450.000	270.000
2.2	Từ cổng qua đường đi Trại Lốc đến ngã ba Trại Lốc		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
2.3	Từ ngã ba Trại Lốc đến chân đập Trại Lốc		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	320.000	190.000
2.4	Từ ngã ba Trại Lốc đến giáp xã Bình Khê		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
3	Hộ bám theo trục đường liên thôn		
3.1	Từ ngã tư Chợ An Sinh đến ngã ba Thành Long		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
3.2	Từ ngã tư khu chợ An Sinh đến thôn Địa Sen		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
3.3	Từ Địa Mối đi thôn Tam Hồng		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000



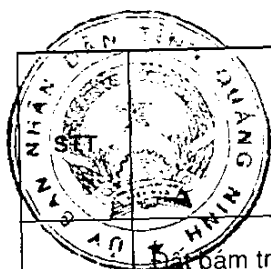
TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ		GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
4	Các hộ dân nằm trong khu dân cư bám các đường liên thôn khác.		
-	Các khu vực còn lại	250.000	150.000
5	Các khu vực còn lại	200.000	120.000
VIII	XÃ ĐỨC CHÍNH (XÃ TRUNG DU)		
1	Hộ bám trục đường 18A		
1.1	Từ điểm giáp địa phận đất thị trấn Đồng Triều (nhà Bà Mơ) đến cổng Phòng Văn thể		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.500.000	2.100.000
1.2	Các hộ bám tiếp giáp phía sau các hộ bám trục đường 18A (cách trục đường 18A - trong phạm vi 100m trở lại)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
1.3	Đất bám đường tránh thị trấn Đồng Triều		
1.3.1	Đường từ nhà ông Toàn thôn 5 đến nhà ông Chuyển thôn 2 (giáp áp cho cả 2 bên đường)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.000.000	1.200.000
1.3.2	Đường từ cổng thoát nước hộ ông Đới đến giáp đường 186 (giáp áp cho cả 2 bên đường)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.000.000	1.200.000
2	Hộ bám trục đường Đức Chính đi Tràng Lương, Đức Chính đi Đền Sinh		
2.1	Đường nhựa Đức Chính đi Tràng Lương		
2.1.1	Từ nhà ông Xuân (tiếp giáp đất của thị trấn Đồng Triều) đến cổng làng Văn hóa thôn 4		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	4.200.000	2.520.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
2.1.2	Từ cổng làng thôn 4 Đức Chính đến ngã 5 đường tránh thị trấn Đông Triều		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.200.000	1.920.000
2.1.3	Từ ngã 5 đường tránh thị trấn Đông Triều đến cổng chùa Râm.		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.000.000	1.800.000
2.1.4	Những hộ thuộc lô 2 phía sau khu tái định cư của tuyến đường tránh thị trấn Đông Triều		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.500.000	900.000
2.1.5	Từ cổng chùa Râm đến giáp đường tàu cắt ngang.		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.700.000	1.620.000
2.1.6	Từ đường tàu đến giáp đất xã Trảng An		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.250.000	1.350.000
2.2	Đường nhựa đi Đức Chính đi Đền Sinh		
2.2.1	Từ ngã 5 đường tránh thị trấn Đông Triều đến đường tàu cắt ngang		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.300.000	1.980.000
2.2.2	Từ giáp đường tàu cắt ngang đến cổng Đền Sinh		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.250.000	750.000
3	Hộ bám theo trục đường liên thôn		



	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
3.1	Hộ bám theo trục đường bê tông hoặc đường nhựa ở các thôn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	700.000	420.000
3.2	Hộ bám theo trục đường liên thôn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	500.000	300.000
3.3	Các hộ dân cư bám đường sắt xóm Lãng và khuôn viên Ga tàu		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
4	Các hộ còn lại trong các khu dân cư	350.000	210.000
IX	XÃ TRẢNG AN (XÃ TRUNG DU)		
1	Hộ nhà bám trục đường 186: Từ nhà ông Bùi Văn Tuy, Nguyễn Văn Liệu giáp đất Đức Chính - đến cổng làng thôn Thượng 2		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.200.000	1.320.000
2	Hộ nhà bám trục đường 186: Từ cổng làng thôn Thượng 2 đến nhà ông Hoàng Văn Tuyển giáp cầu na thôn trảng Bảng 1		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.600.000	960.000
3	Hộ nhà bám trục đường 186: Từ nhà ông Hoàng Văn Tuyển giáp cầu na thôn trảng Bảng 1 đến giáp đất xã Bình Khê		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.400.000	840.000
4	Hộ bám theo đường liên xã		
4.1	Đường bê tông từ nhà ông Bùi Huy Thắng đến giáp đất xã Tân Việt		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	700.000	420.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
4.2	Từ Bưu điện - Văn hoá xã (đường đi vào KV) đến giáp xã Bình Khê		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	550.000	330.000
4.3	Đường từ Trạm bơm nước thôn Hạ đi Trại Lốc (giáp cổng Đền Sinh)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
4.4	Đường từ nhà ông Diếp đến giáp đường đi Trại Lốc		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	550.000	330.000
4.5	Đường từ nhà bà Hà Thị Thuý thôn Tràng Bảng 1 đi vào Trung đoàn 405		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	500.000	300.000
5	Hộ bám theo trục đường liên thôn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	320.000	190.000
6	Hộ bám trục đường xóm		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	250.000	150.000
7	Các hộ còn lại nằm trong khu dân cư ở các thôn	200.000	120.000
X	XÃ BÌNH KHÊ (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Hộ bám theo trục đường Đức Chính đi Bình Khê.		
1.1	Từ giáp địa phận xã Tràng An đến hết Ao HTX nông nghiệp xã.		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	900.000	540.000
1.2	Từ giáp Ao HTX nông nghiệp đến hết Trạm xá xã		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.100.000	660.000
1.3	Từ giáp trạm xá xã đến hết cây xăng dầu		



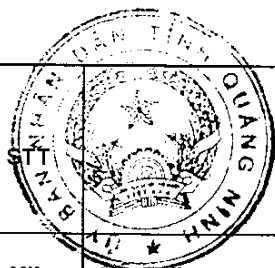
TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ

**GIÁ ĐẤT Ở
(Đ/M²)**

**GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHI NÔNG NGHIỆP
(Đ/M²)**

	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.300.000	780.000
1.4	Từ giáp cây xăng đến hết cống cao (Kênh Bến Châu)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.050.000	630.000
1.5	Từ giáp cống cao đến Trần Bến Châu		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	450.000	270.000
1.6	Từ giáp Trần Bến Châu đến đường vào Bến Vuông.		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	400.000	240.000
1.7	Từ đường vào Bến Vuông đến Trần Độc Lũn.		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	300.000	180.000
2	Các hộ tiếp giáp các hộ bám trục đường Đức Chính - Bình Khê (lô 2) từ trạm xá đến cây Xăng đầu.		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	450.000	270.000
3	Đất bám theo trục đường liên xã		
3.1	Từ đường 186 (Trạm kiểm lâm) đến đầu cầu Máng		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	800.000	480.000
3.2	Từ giáp cầu Máng đến giáp Mạo Khê		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.100.000	660.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
3.3	Từ ngã ba Suối Gạo đến giáp thôn Đông Sơn, xã Xuân Sơn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.100.000	660.000
3.4	Đất ở những hộ dân cư từ cầu máng vào đến Công ty Cổ phần giống vật nuôi cây trồng Đông Triều 2006 - nối vào đường Bình Khê đi Trảng Lương đi Phú Ninh (ở thôn Phú Ninh)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
3.5	Đất ở các hộ bám theo trục đường bê tông Bình Khê đi Đền Sinh.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
4	Đất ở các hộ bám theo trục đường liên thôn: Từ đầu thôn Trại dọc đến ngã tư thôn Ninh Bình		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
5	Đất ở các hộ bám theo trục đường liên thôn khác		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
6	Khu vực còn lại	200.000	120.000
XI	XÃ TRẢNG LƯƠNG (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Các hộ bám theo trục đường Bình Khê đi Trảng Lương: Từ tiếp giáp địa phận xã Bình Khê (Trần Độc Lùn) đến đầu Cầu Trần (Đội 4)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	550.000	330.000
2	Các hộ bám trục đường liên thôn.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
3	Các hộ bám trục đường liên xóm.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	250.000	150.000
4	Các hộ còn lại trong khu dân cư	200.000	120.000



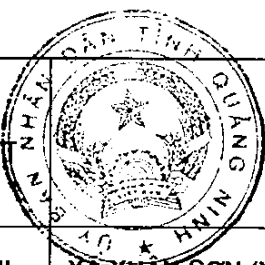
TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ

**GIÁ ĐẤT Ở
(Đ/M²)**

**GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHI NÔNG NGHIỆP
(Đ/M²)**

XII	XÃ HƯNG ĐẠO (XÃ ĐỒNG BẰNG)		
1	Hộ bám trục đường 18A: Từ cổng Phòng Văn thể đến hết địa phận xã Hưng Đạo (đầu cầu Cẩm)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.500.000	2.100.000
2	Hộ bám trục đường (từ đường 18A đến cổng Trung tâm Y tế huyện)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.200.000	1.320.000
3	Các hộ nằm ở phía sau các hộ bám trục đường 18A và các hộ ở phía sau các hộ bám trục đường từ đường 18A vào Trung tâm Y tế huyện (lô 2).		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
4	Các hộ nằm ở giáp các hộ phía sau hộ bám trục đường 18A (từ cổng Trung tâm Y tế đến nhà ông San + Bà Nhung (lô 3)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	500.000	300.000
5	Hộ bám trục đường bê tông từ đường 18A đến cổng UBND xã Hưng Đạo		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	800.000	480.000
6	Hộ bám trục đường nhựa vào thôn Thủ Dương		
6.1	Từ đường 18A đến ngã ba ông Tuyển thôn Thủ Dương		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
6.2	Từ ngã ba ông Tuyển rẽ vào đường Thủ Dương đến ngã ba gần nhà (ông Sỹ) và Mỹ Cự 2 (hết nhà ông Quỳnh)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
6.3	Từ ngã tư Đình Mỹ Cự 1 đến ngã tư trạm điện (Mỹ Cự 2)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	500.000	300.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
6.4	Hệ bóm đường bê tông từ đường 18A đến ngã tư Đình Mỹ Cự 1		
-	Đất bóm trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	450.000	270.000
6.5	Từ ngã tư trạm điện đến ngã tư gần nhà ông Cường (Mỹ Cự 2)		
-	Đất bóm trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
7	Từ giáp (nhà ông Cường) đến điểm ngã ba đi sân bóng - thôn Thủ Dương		
-	Đất bóm trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	250.000	150.000
8	Hệ bóm trục đường bê tông từ đường 18A vào Nhà Văn hoá thôn Mễ Xá 1 và Mễ Xá 3		
-	Đất bóm trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
9	Hệ bóm trục đường bê tông từ đường 18A (nhà ông Thính) vào đến nhà ông Đào thôn Mễ Xá 3		
-	Đất bóm trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
10	Các hộ nằm trong khu dân cư của từng thôn		
10.1	Thôn Mễ Xá 1, 2, 3		
-	Các khu vực còn lại	350.000	210.000
10.2	Thôn Mỹ Cự 1, 2		
-	Các khu vực còn lại	250.000	150.000
10.3	Thôn Thủ Dương, La Dương, Vân Quế		
-	Các khu vực còn lại	250.000	150.000
11	Xóm Trại giữa thôn Mễ Xá 1		
-	Các khu vực còn lại	250.000	150.000
12	Từ nhà ông Khoát Ly đến cổng Lải Thủ Dương (Mễ Xá 1)		
-	Các khu vực còn lại	250.000	150.000



STT

TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ

GIÁ ĐẤT Ở
(Đ/M²)

GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHI NÔNG NGHIỆP
(Đ/M²)

XIII XÃ XUÂN SƠN (XÃ TRUNG DU)

1 Hộ bám trục đường quốc lộ 18A: Từ cầu Cẩm đến cầu Thôn Mai

- Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất

3.500.000

2.100.000

2 Các hộ ở phía sau các hộ bám trục đường 18A (lô 2)

- Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ

800.000

480.000

3 Hộ bám theo trục đường xã đi Bình Khê

3.1 Từ cầu Cẩm đến hết Trạm Xá xã

- Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ

2.000.000

1.200.000

3.2 Từ giáp Trạm xá xã đến hết đường tàu cắt ngang

- Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ

1.500.000

900.000

3.3 Từ giáp đường tàu đến hết thôn Đông Sơn

- Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ

1.100.000

660.000

4 Hộ bám trục đường chính liên thôn

- Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ

600.000

360.000

5 Các hộ ở trong khu dân cư làng cấy (thôn xuân viên 1, 2, 3, 4)

- Các khu vực còn lại

350.000

210.000

6 Các hộ còn lại trong các thôn

300.000

180.000

XIV XÃ KIM SƠN (XÃ TRUNG DU)

1 Hộ bám theo trục đường 18A

1.1 Từ cầu Chạ (thôn Kim Thành) tiếp giáp đất thị trấn Mạo Khê đến giáp Cty TNHH Long Hải

- Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất

4.500.000

2.700.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
1.2	Từ Cty TNHH Long Hải đến giáp Cầu Thôn Mai (tiếp giáp đất xã Xuân Sơn)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	4.000.000	2.400.000
2	Các hộ nằm tiếp giáp phía sau các hộ bám trục đường 18A		
2.1	Từ đường 18A đến Công ty CP cơ khí thuỷ Kim Sơn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	2.000.000	1.200.000
2.2	Các hộ nằm tiếp giáp phía sau các hộ bám trục đường 18A (thôn Kim Thành)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
3	Hộ bám theo trục đường bê tông từ cổng làng đến Nhà văn hoá thôn Nhuệ Hồ		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	900.000	540.000
4	Hộ bám trục đường xóm thôn Kim Thành		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	600.000	360.000
5	Hộ bám theo trục đường đi liên thôn:		
5.1	Từ đường 18A vào cổng làng Gia Mô đi Gia Mô, Kim Sen, Cổ Giã (đường bê tông) đến hết nhà bà Nguyễn Thị Thương (Chanh)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.300.000	780.000
5.2	Từ đường 18A đi thôn Kim Sen, Gia Mô đến đường tàu cắt ngang		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.300.000	780.000
5.3	Từ đường 18A đi nhà ông Hưởng đến ngã tư Kim Sen - Cổ Giã.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
5.4	Từ ngã ba thôn Kim Sen (nhà nghỉ Đức Quỳnh) đến hết nhà ông Hưởng.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000



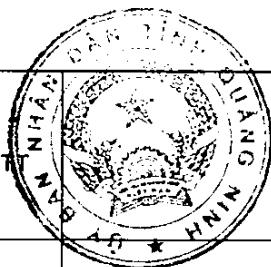
TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ

**GIÁ ĐẤT Ở
(Đ/M²)**

**GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHI NÔNG NGHIỆP
(Đ/M²)**

5.5	Từ đường tàu thôn Gia Mô giáp ranh với thôn Kim Sen đi cầu Trường Đoàn đến hết nhà ông Trình.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	900.000	540.000
6	Từ đường 18A đến cổng Công ty Thanh Tuyển thôn Nhuệ Hồ.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
7	Từ trạm y tế xã đi ngã ba nhà ông Thịnh Gia Mô.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
8	Tuyến từ nhà ông Cự đi nhà ông Giang (Kín) - Gia Mô		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
9	Hệ bám trục đường liên thôn: Cổ Giản, Kim Sen, Gia Mô, Nhuệ Hồ		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	500.000	300.000
10	Từ ngã tư thôn Cổ Giản qua Hội trường thôn đường đi nhà ông Sơn đến nhà ông Huy (Nội) thôn Cổ Giản		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	600.000	360.000
11	Đường bê tông xa khu trung tâm		
11.1	Từ nhà ông Nghĩa đến hết nhà ông Cảnh đôi mo thôn Gia Mô		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
11.2	Hệ bám đường liên thôn đôi Mo Gia Mô		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
11.3	Hệ bám trục đường thôn từ nhà ông Lạo đi ông Sử - Lây đến ngã tư ông Đăng xóm tán Nhuệ Hồ		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	500.000	300.000
11.4	Hệ tiếp giáp nhà ông Tọa thôn Cổ Giản đến đường tàu		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	700.000	420.000
12	Các hệ còn lại trong thôn	250.000	150.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
XV	XÃ YÊN THỌ (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Đất các hộ bám trục đường quốc lộ 18A		
1.1	Từ điểm giáp thị trấn Mạo Khê đến đường tàu cắt ngang		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	4.500.000	1.575.000
1.2	Từ đường tàu cắt ngang đến giáp đường vào Xí nghiệp Trắc địa Đông Triều (XN 906 cũ)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.500.000	1.575.000
1.3	Từ đường Xí nghiệp Trắc địa Đông Triều (XN 906 cũ) đến giáp đất xã Hoàng Quế		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.500.000	1.500.000
2	Đất ở trục đường 333: Từ đường 18A vào đến giáp địa phận xã Yên Đức (Cầu Lãng)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.700.000	1.020.000
3	Các hộ bám đường quy hoạch khu Yên Hoà		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.500.000	900.000
4	Đất ở các hộ bám theo các trục đường nhánh		
4.1	Từ đường 18A vào đến giáp đường tàu cắt ngang (trên đường vào Dốc 2000)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.400.000	840.000
4.2	Từ đường tàu cắt ngang đến Trung đoàn 25 cũ		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
5	Từ đường 18A vào đến hết Trường đại học CN mở Quảng Ninh (những hộ có mặt tiền bám 2 bên đường)		



TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ

GIÁ ĐẤT Ở
(Đ/M²)

GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHI NÔNG NGHIỆP
(Đ/M²)

5.1	Từ đường 18A đến hết cổng làng Văn hoá thôn Thọ Sơn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	2.200.000	1.320.000
5.2	Từ ngã 3 cổng làng văn hoá thôn Thọ Sơn đến ngã 3 đõ Ba Lan (hết khuôn viên trường Đại học CN mở Quảng Ninh)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	2.000.000	1.200.000
6	Từ ngã tư đường tàu về phía Đông Trường Đại học CN mở Quảng Ninh đến hết nhà ông Nguyễn Văn Thế		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.400.000	840.000
7	Từ nhà ông Nguyễn Văn Thế đến Xí nghiệp Trắc địa Đông Triều (XN 906 cũ)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.250.000	750.000
8	Từ ngã tư đường tàu về phía Tây Trường Đại học CN mở đến hết đường tàu cụt (nhà bà Đoàn Thị Ái)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.300.000	780.000
9	Từ nhà bà Đoàn Thị Ái đến đường ra dốc 2000.		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	800.000	480.000
10	Từ đường 18A vào đến cổng Xí nghiệp Trắc địa Đông Triều (XN 906 cũ)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	550.000	330.000
11	Từ đường 18A (cổng làng) đến Đình Xuân Quang		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	550.000	330.000
12	Đất ở các hộ bám theo trục đường liên thôn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	450.000	270.000
13	Hộ bám trục đường chính trong các thôn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
14	Hộ bám đường nhánh trong các thôn		
-	Khu vực còn lại	300.000	180.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
15	Hộ bám đường ngõ xóm trong các thôn		
-	Khu vực còn lại	280.000	170.000
16	Đất ở các hộ còn lại trong khu dân cư	250.000	150.000
XVI	XÃ YÊN ĐỨC (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Đất các hộ bám trục đường 333		
1.1	Từ giáp Quế Lạt xã Hoàng Quế đến Đầm Khánh		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.500.000	900.000
1.2	Từ giáp Đầm Khánh đến xóm Núi bát		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.200.000	720.000
1.3	Từ giáp xóm Núi bát đến Bến Đụn		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	800.000	480.000
2	Đất ở các hộ bám theo trục đường thôn, xóm trong xã		
2.1	Đất ở bám theo đường giao thông chính thôn Yên Khánh		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
2.2	Đất ở bám theo đường xóm cửa Miếu Yên Khánh		
-	Khu vực còn lại	250.000	150.000
2.3	Đất ở bám theo theo đường giao thông chính Đồn Sơn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
2.4	Đất ở bám theo đường liên trại Đồn Sơn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000



TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ		GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
2.5	Đất ở bám theo đường giao thông chính thôn Chí Linh		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
2.6	Đất ở bám theo đường liên trại Chí Linh		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
2.7	Đất ở bám theo đường giao thông chính thôn Dương Đề		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
2.8	Đất ở bám theo đường xóm khu mô Dương Đề		
-	Khu vực còn lại	250.000	150.000
2.9	Đất ở bám theo đường chính thôn Đức Sơn		
-	Khu vực còn lại	360.000	220.000
2.10	Đất ở bám theo đường bãi cát - Đức Sơn		
-	Khu vực còn lại	360.000	220.000
2.11	Đất ở bám theo đường Trường học - Giếng Mía xã		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	500.000	300.000
2.12	Các hộ còn lại trong khu dân cư	200.000	120.000
XVII	XÃ HOÀNG QUẾ (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Hộ bám theo trục đường 18A		
1.1	Từ giáp địa phận xã Yên Thọ đến hết Cầu Đồn		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.500.000	1.500.000
1.2	Từ giáp Cầu Đồn đến cây xăng Công ty dịch vụ 3-2		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.000.000	1.575.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
1.3	Từ giáp cây xăng đến giáp địa phận xã HTTây		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.800.000	1.575.000
2	Hộ bám theo trục đường 18A cũ từ ngã ba thôn Nội Hoàng đến phía sau cây xăng của Công ty dịch vụ 3/2		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.800.000	1.080.000
3	Các hộ ở phía sau các hộ bám đường 18A (có điều kiện thuận lợi)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	800.000	480.000
4	Hộ bám theo trục đường 333 thuộc xã Hoàng Quế		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	1.500.000	900.000
5	Hộ bám theo trục đường đi vào các thôn:		
5.1	Từ đường 18A đến trường trung học cơ sở Hoàng Quế		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.500.000	900.000
5.2	Các hộ từ chợ Vàng đến đường đi vào trường Hoàng Hoa Thám (đường bê tông)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.700.000	1.020.000
5.3	Từ đường 18A đến đường tàu cắt ngang (đường đi vào Nhà máy gạch tuynel - Hoàng Quế)		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
5.4	Từ đường 18A đến Hợp tác xã nông nghiệp		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.000.000	600.000
5.5	Các hộ bám trục đường từ đường sắt Quốc gia đến hồ Cầu Cừ		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	600.000	360.000



	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
6	Hộ bám trục đường liên thôn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
7	Các hộ bám trục đường chính trong khu dân cư		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	350.000	210.000
8	Các hộ còn lại	250.000	150.000
XVIII	XÃ HỒNG THÁI TÂY (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Đất ở các hộ bám trục đường 18A: Từ đường vào Trại giống lợn Trảng Bạch đến giáp địa phận xã Hồng Thái Đông		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.500.000	1.500.000
2	Đất ở các hộ bám theo trục đường liên thôn		
2.1	Từ đường 18A đến Hang Sơn		
2.1.1	Từ đường 18A đến trạm biến thế thôn 5		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	700.000	420.000
2.1.2	Từ Trạm biến thế thôn 5 đến Chùa Hang Sơn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	400.000	240.000
2.2	Từ đường 18A qua chợ Lầm vào đến đường sắt		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	700.000	420.000
2.3	Từ đường 18A đến trường Mầm non xã		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
2.4	Từ đường 18A xuống đến Nhà Văn hoá thôn 7		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP (Đ/M ²)
2.5	Từ đường 18A đến hết nhà ông Nguyễn Văn Minh thôn 7		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
2.6	Từ đường 18A đến hết nhà ông Nguyễn Văn Mộc thôn 7		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	300.000	180.000
2.7	Từ đường 18A đến đường sắt trại cá		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	700.000	420.000
2.8	Từ đường đường sắt trại cá đến hóa chất Mỏ		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	500.000	300.000
2.9	Từ đường 18A đến hết nhà văn hoá thôn 6		
-	Các khu vực còn lại	300.000	180.000
3	Các hộ còn lại bám theo trục đường liên thôn chính.		
-	Các khu vực còn lại	280.000	170.000
4	Các hộ còn lại	240.000	150.000
XIX	XÃ HỒNG THÁI ĐÔNG (XÃ MIỀN NÚI)		
1	Hộ bám theo trục đường 18A		
1.1	Từ điểm tiếp giáp với xã Hồng Thái Tây (cầu Thượng Thông) đến đường vào Hang Sơn		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	2.500.000	1.500.000
1.2	Từ đường vào Hang Sơn đến cầu Yên Dướng		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.500.000	1.575.000
1.3	Từ cầu Yên Dướng đến cầu Tân Yên (hết địa phận xã Hồng Thái Đông, giáp với xã Phương Đông, T. phố Uông Bí)		
-	Đất bám trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm xã hoặc cụm xã, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất	3.000.000	1.575.000



TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ

**GIÁ ĐẤT Ở
(Đ/M²)**

**GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHI NÔNG NGHIỆP
(Đ/M²)**

2	Hộ bám theo trục đường liên thôn		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	600.000	360.000
3	Các hộ bám theo trục đường liên xóm		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	420.000	250.000
4	Khu trung tâm chợ xã Hồng Thái Đông		
4.1	Đất ở các hộ bám trục đường phân lô chính của chợ và phía Nam khu quy hoạch		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.400.000	840.000
4.2	Đất ở các hộ có mặt tiền bám trục đường nhánh lô chính - Chợ		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
5.1	Từ nhà ông Đầu đến đường sắt		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.400.000	840.000
5.2	Đất ở các hộ có mặt tiền bám theo trục đường nhánh lô chính của khu quy hoạch		
-	Đất bám trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ	1.200.000	720.000
6	Các hộ còn lại	300.000	180.000